

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/HS-PT

Ngày 21 - 3 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Hà

Ông Lưu Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 184/2019/HSPT ngày 26 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Đức S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Đức S**, sinh năm 1966; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú Số 84A Mai Hương, phường B, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp tự do; trình độ văn hóa 5/10; dân tộc Kinh; giới tính Nam; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Phạm Văn Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị S (đã chết); tiền án, tiền sự không; nhân thân Ngày 27/8/1983, Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 31/7/1999, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 23/10/2013, Tòa án nhân dân quận M, Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2018 - có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo khác không kháng cáo và không bị kháng nghị gồm:

1. Trần Quốc T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hòa Trung, xã An Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

2. Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26A1, tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà nội; chỗ ở: Số 1, ngách 112/43 Ngọc Kh, phường V, quận B, Hà Nội.

3. Trần Xuân V, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17, ngõ Yên Thế, phường Văn Miếu, quận Đ, Hà Nội.

4. Dương Thị Kh, sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, ngách 112/43 Ngọc Kh, phường V, quận B, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đ và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân quận Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h10 ngày 24/5/2018 tại trước số 160 phố Xã Đàn, phường K, quận Đ, Hà Nội, tổ công tác đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an quận Đ bắt quả tang Trần Quốc T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị Thanh Th. Cơ quan điều tra đã thu giữ trong tay trái của Th có 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng 4cm x 6 cm bên trong chứa tinh thể màu trắng qua giám định là ma túy loại Methamphetamine khối lượng 4,995 gam, thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của Th có 1.400.000 đồng, thu giữ túi quần phía trước bên trái của Th có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5. Thu giữ tay trái của T 2.000.000 đồng, đây là tiền T vừa bán trái phép chất ma túy cho Th, thu giữ trong túi quần phía sau bên trái của T 500.000, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của T có 01 chiếc điện thoại di động OPPO màu bạc.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Thanh Th và Dương Thị Kh tại số 1 ngách 112/43 Ngọc Kh, phường V, quận B, Hà Nội phát hiện Dương Thị Kh, Phạm Đức S, Trần Xuân V, Lương Tuấn A đang có mặt tại đây. Quá trình khám xét đã phát hiện thu giữ tổng cộng 2,229 gam Heroin, 2,296 gam Methamphetamine và 6,711 gam Ketamin do Th mua về để Th và Kh sử dụng.

Tại cơ quan điều tra Trần Quốc T khai nhận: khoảng 11h ngày 24/5/2018 T mua của H 01 túi ma túy dạng “đá” với giá 2.000.000 đồng tại khu vực phố T, phường V, quận H, Hà Nội. Sau khi mua được ma túy T lấy một ít ra để sử dụng số ma túy còn lại T cất đi với mục đích bán kiếm lời. Khoảng 17h30p ngày 24/5/2018 Nguyễn Thị Thanh Th gọi điện thoại cho T hỏi mua 05 gam ma túy “đá”, T đồng ý bán với giá 2.000.000 đồng và hẹn Th đi ra phố Xã Đàn, Đống Đa, Hà Nội để giao dịch. T điều khiển xe máy Yamaha Exciter BKS: 89M1-023.40 đi đến trước số 160 phố Xã Đàn, phường K, Đống Đa, Hà Nội, thì gặp Th. T đưa cho Th 01 túi nilon chứa ma túy “đá”, Th cầm bằng tay trái và đưa lại cho T 2.000.000 đồng. T vừa cầm tiền thì bị cơ quan công an kiểm tra bắt giữ.

Nguyễn Thị Thanh Th khai: Khoảng 17h ngày 24/5/2018 V đã sử dụng số điện thoại **0944000070** gọi đến số điện thoại **01665531975** của Th để hỏi mua 05 gam ma túy tổng hợp “đá” cho một người anh của V thì Th đồng ý bán với giá 3.000.000 đồng và hẹn đến nhà Th ở số 1 ngách 112/43 Ngọc Kh phường V, quận B, Hà Nội. Sau đó, Th gọi điện thoại cho T để mua 05 gam ma túy tổng hợp “đá” thì T đồng ý bán với giá 2.000.000 đồng và hẹn Th đi ra khu vực phố Xã Đàn để giao dịch. Một lúc sau, V và Sinh đi đến nhà của Th, tại đây, Sinh đưa cho V 2.800.000 đồng, V cầm tiền rồi đưa lại cho Th. Th cầm tiền rồi để xuống sàn nhà và nói mua 05 gam ma túy “đá” với giá 3.000.000 đồng, V còn thiếu 200.000 đồng. V nói chỉ có 2.800.000 đồng và nợ Th 200.000 đồng thì Th đồng ý, Th hỏi vay của Tuấn A 200.000 đồng nhưng Tuấn A chỉ có 100.000 đồng và đưa cho Th. Th cầm tiền do V và Tuấn A đưa rồi đi ra khu vực trước nhà số 160 phố Xã Đàn,

phường K, Đống Đa, Hà Nội gặp T. Th đưa cho T 2.000.000 đồng, T cầm tiền bằng tay trái đồng thời đưa cho Th 01 túi ma túy “đá”, Th cầm ma túy bằng tay trái định bỏ đi thì bị cơ quan công an kiểm tra và bắt giữ Th, T cùng số ma túy trên. Ngày 30/5/2018 Th thay đổi lời khai, Th khai mua số ma túy “đá” của T với giá 2.800.000 đồng, Th không được hưởng lợi gì từ việc bán ma túy cho V, số tiền 100.000 đồng Th vay Tuấn A là để đi mua Pizza.

Đối với số ma túy cơ quan công an đã thu giữ khi khám xét khẩn cấp nhà của Nguyễn Thị Thanh Th và Dương Thị Kh tại số 1 ngách 112/43 Ngọc Kh, phường V, quận B, Hà Nội, Th khai mua toàn bộ số ma túy trên của một người phụ nữ tên là Hằng vào khoảng 06h ngày 24/5/2018 ở trước số 23 phố Thanh Nhàn, phường Q, quận H, Hà Nội với giá 1.300.000 đồng với mục đích mang về để Th và Kh sử dụng.

Trần Xuân Vkhai: khoảng 17h ngày 24/5/2018 Sinh nhờ V mua hộ 5 gam ma túy “đá” để sử dụng, V liền gọi điện thoại cho Th để hỏi mua 05 gam ma túy “đá” thì Th đồng ý bán với giá 3.000.000 đồng và hẹn V đến nhà Th ở tại số 1 ngách 112/43 Ngọc Kh, phường V, quận B, Hà Nội. Sau đó, V và Sinh đi đến nhà Th, quá trình thỏa thuận mua bán ma túy giữa S và Th phù hợp với lời khai ban đầu của Nguyễn Thị Thanh Th. Sau đó, V thay đổi lời khai, V khai đến nhà Th để chơi, V không mua ma túy của Th, số tiền 2.800.000 đồng V đưa cho Th là do Th vay.

Phạm Đức S khai: chiều ngày 24/5/2018 V rủ S đến nhà Th chơi. Khi đến nhà Th thì có Quang, Tuấn A, Th, Kh đang ở nhà Th, lúc này V bảo S đưa tiền cho V thì Sinh lấy 2.800.000 đồng do V đưa trước đó đưa lại cho V, V cầm tiền rồi đưa lại cho Th. S không nhờ V mua hộ ma túy “đá”, S không biết V đưa 2.800.000 đồng cho Th để làm gì.

Dương Thị Kh khai: Th sống cùng Kh ở tại số 1 ngách 112/43 Ngọc Kh, phường V, quận B, Hà Nội, Th thường xuyên mua ma túy về để Kh và Th cùng sử

dụng. Toàn bộ số ma túy cơ quan đã thu giữ khi khám xét nhà của Kh là của Th mua về để cả hai cùng sử dụng. Kh biết và đồng ý cho Th để toàn bộ số ma túy trên ở nhà của Kh. Kh không liên quan đến việc Th mua ma túy cho V.

Trương Đắc Quang và Lương Tuấn A khai: Khi Quang và Tuấn A đang ở nhà của Kh tại số 1 ngách 112/43 Ngọc Kh, phường V, quận B, Hà Nội thì V và Sinh đi đến. Tại đây, Quang và Tuấn A chứng kiến V thỏa thuận mua bán ma túy với Th; sau đó, Sinh đưa tiền cho V, V cầm và đưa cho Th. Th cầm tiền rồi đi xuống sàn và nói mua 05 gam ma túy “đá” với giá 3.000.000 đồng, V còn thiếu 200.000 đồng. V nói chỉ có 2.800.000 đồng và nợ Th 200.000 đồng thì Th đồng ý, Th hỏi vay Tuấn A 200.000 đồng nhưng Tuấn A chỉ có 100.000 đồng và đưa cho Th. Th cầm tiền của V và Tuấn A rồi bỏ đi. Sau đó, cơ quan công an khám xét khẩn cấp nhà Kh và đã mời Q và Tuấn A về trụ sở để làm việc. Q và Tuấn A không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy của Th và Kh. Ngày 16/6/2018 cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Q và Tuấn A về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Đức S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2019, bị cáo Phạm Đức S có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo khai nhận không đưa tiền cho Phạm Xuân V để nhờ mua hộ ma túy “đá”, số tiền 2.800.000 đồng bị cáo đưa cho V là tiền trước đó V đưa cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm Phạm Đức S không khai nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh Th, Trần Xuân V, Dương Thị Kh và lời khai của những người làm chứng là anh Lương Tuấn A, Trương Đắc Q đều khẳng định: Ngày 24/5/2018, Trần Xuân V đưa Phạm Đức S đến nhà Nguyễn Thị Thanh Th để mua ma túy về sử dụng, người mua ma túy là Phạm Đức S, tiền mua ma túy là của S đưa cho V để nhờ mua hộ 5 gam ma túy đá sử dụng cho bản thân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Đức S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi phạm tội, bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhân thân đã nhiều tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn đánh giá bị cáo có nhân thân xấu. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 04 năm 6 tháng tù là phù hợp. Tuy tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo xuất trình tài liệu, theo đó bố bị cáo là người có công với cách mạng được thưởng huân, huy chương, nhưng xét mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là phù hợp, nên không thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án, hành vi đưa bị cáo S đến nhà bị cáo Th để mua ma túy về sử dụng của bị cáo Trần Xuân V là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Phạm Đức S; hành vi của bị cáo V đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán

trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo V, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là phù hợp. Tuy bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị, nhưng theo quy định của pháp luật, cấp phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo V, còn về mức hình phạt đối với bị cáo V cần giữ nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Từ phân tích trên, Đề nghị Hội đồng đồng xét xử áp dụng điểm a (đối với bị cáo S), điểm b (đối với bị cáo V) khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, bác kháng cáo của bị cáo S, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Đức S. Tuyên bố bị cáo Trần Xuân V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo Phạm Đức S không khai nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh Th, Trần Xuân V, Dương Thị Kh tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều khai thống nhất và khẳng định ngày 24/5/2018, Trần Xuân V đưa Phạm Đức S đến nhà Nguyễn Thị Thanh Th để mua 5 gam ma túy đá về sử dụng, tiền mua ma túy là tiền của S đưa cho V để V đưa cho Th đi mua ma túy của T thì bị bắt. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; lời khai của những người làm chứng là anh Lương Tuấn A, Trương Đắc Quang; biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ, ngày 24/5/2018, Trần Xuân V đưa Phạm Đức S

đến nhà Nguyễn Thị Thanh Th để mua ma túy; tại nhà Th, S đưa cho Trần Xuân V 2.800.000 đồng để V đưa cho Th mua hộ S 05 gam ma túy đã sử dụng cho bản thân. Khi Nguyễn Thị Thanh Th và Trần Quốc T đang giao dịch mua bán 4,995 gam Methamphetamine thì bị bắt. Khám xét khẩn cấp nhà Nguyễn Thị Thanh Th và Dương Thị Kh, thu giữ 2,229 gam Heroin, 2,296 gam Methamphetamine và 6,711 gam Ketamin. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Đức S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng tội, không oan. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cho rằng mình bị oan nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới để mình oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm và tệ nạn trong xã hội, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn Thủ đô. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc mua bán, tàng trữ, sản xuất, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng các chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ 4,995 gam Methamphetamine để sử dụng cho bản thân. Sau khi phạm tội, bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhân thân có nhiều tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn đánh giá bị cáo có nhân thân xấu. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 04 năm 6 tháng tù là phù hợp. Tuy tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo có xuất trình tài liệu theo đó bố bị cáo là người có công với cách mạng được thưởng huy chương, nhưng xét mức độ phạm tội, thái độ và nhân thân của bị cáo cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Trong vụ án, hành vi của bị cáo Trần Xuân V đưa bị cáo Phạm Đức S đến nhà Nguyễn Thị Thanh Th để mua ma túy về sử dụng là hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo Phạm Đức S; hành vi của bị cáo V đã phạm tội "Tàng trữ trái phép

chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất mức, phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo V, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là phù hợp. Để ổn định bản án, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo Trần Xuân V.

Về án phí: Bị cáo Phạm Đức S không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Đức S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2018.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đức S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 21/3/2019.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa